



MANG CỬA ĐẸP, CHẤT LƯỢNG ĐẾN MỌI CÔNG TRÌNH

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT HẢI PHÒNG

Mã Số Thuế: 0314474018

Xưởng 1: 116/3 Thanh Xuân 21, Phường Thanh Xuân, Quận 12, TPHCM

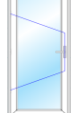
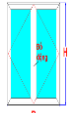
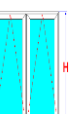







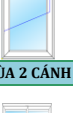

Xưởng 2: Số 8, Đường 155, Xã Bình Mỹ, Củ Chi, TPHCM



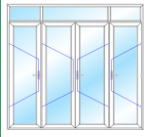
ĐT: 0969 380 992 - 0904 912 986

Email: cauthangkinhhp@gmail.com

QUYẾT TOÁN THEO KHỐI LƯỢNG THỰC TẾ

| Khách hàng: A hải, CÚ CHI | | Điện thoại: 0339921315 | | | Ngày báo giá: | | 26/08/2022 | | | | | |
|---------------------------------------|-------------------------|------------------------|----------------------------|---------------------------------|---------------|----------------------------------|-----------------------------------|----------|---------------------------|--------------------|-----------------|-----------|
| Địa chỉ công trình: | | | | | Số báo giá: | | | | | | | |
| Phụ trách: A TRÌNH | | | Điện thoại: 0904 912 986 | | | Dòng sản phẩm | | CỬA NHÓM | | | | |
| STT | Mã SP | HÌNH SẢN PHẨM | THÔNG SỐ KỸ THUẬT | DIỆN TÍCH (M ² /BỘ) | SỐ LƯỢNG (BỘ) | TỔNG DIỆN TÍCH (M ²) | ĐƠN GIÁ CỬA (VND/M ²) | | ĐƠN GIÁ PHỤ KIỆN (VND/BỘ) | GIÁ THÀNH (VND/BỘ) | TỔNG CỘNG (VND) | |
| | | | | | | | CỬA | CHIA Ồ | | | | |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (TẦNG THƯỢNG) | | | | | | | | | | | | |
| 1 | D1 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 2,035 | 0,935 | 1,90 | 1 | 1,90 | 2.366.646 | | 4.503.076 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 2mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | bản lề + khóa huy hoàng | | | | | | | | | | | |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (TẦNG THƯỢNG) | | | | | | | | | | | | |
| 2 | D2 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 2,01 | 0,935 | 1,88 | 1 | 1,88 | 2.376.738 | | 4.466.723 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 2mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | bản lề + khóa huy hoàng | | | | | | | | | | | |
| CỬA SỐ LẬT (TẦNG THƯỢNG) | | | | | | | | | | | | |
| 3 | S1 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 0,71 | 0,9 | 0,64 | 1 | 0,64 | | BỘ | 1.500.000 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 1.4mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | ĐỦ BỘ | | | | | | | | | | | |
| Ồ FIX | | | | | | | | | | | | |
| 4 | F1 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 0,82 | 0,62 | 0,51 | 1 | 0,51 | 1.929.261 | | 980.836 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 1.4mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | ĐỦ BỘ | | | | | | | | | | | |
| Ồ FIX | | | | | | | | | | | | |
| 5 | F2 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 0,44 | 0,893 | 0,39 | 1 | 0,39 | 2.193.845 | | 862.006 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 1.4mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | ĐỦ BỘ | | | | | | | | | | | |
| CỬA SỐ LẬT (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 6 | S2 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 0,812 | 0,61 | 0,50 | 1 | 0,50 | | BỘ | 1.500.000 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 1.4mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | ĐỦ BỘ | | | | | | | | | | | |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 7 | D3 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 2,8 | 1,003 | 2,81 | 1 | 2,81 | 2.349.197 | | 6.597.485 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 2mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | bản lề + khóa huy hoàng | | | | | | | | | | | |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 8 | D4 | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 2,22 | 0,93 | 2,06 | 1 | 2,06 | 2.407.433 | Kính mờ | 4.970.385 |
| | | | Lọt lòng | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 2mm tiêu chuẩn | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | |
| | | | Kính mờ | 8mm cường lực | | | | | | | | |
| Phụ kiện | bản lề + khóa huy hoàng | | | | | | | | | | | |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| | | | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 2,05 | 0,71 | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|---|-----|---|--|--|------|---|------|-----------|---------|--|--|------------|
| 9 | D5 |  | Cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính mờ Phụ kiện | Lot lờng DÀY 2mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực bản lề + khóa huy hoàng | 1,46 | 1 | 1,46 | 2.897.886 | Kính mờ | | | 4.217.874 |
| CỬA SỐ 2 CÁCH MỞ (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 10 | S3 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính trắng Phụ kiện | Cửa 1,774 1,4 Lot lờng DÀY 1.4mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực ĐỦ BỘ | 2,48 | 1 | 2,48 | 2.273.546 | | | | 5.646.579 |
| CỬA SỐ 2 CÁCH LẬT (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 11 | S4 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính trắng Phụ kiện | Cửa 1,6 1,1 Lot lờng DÀY 1.4mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực ĐỦ BỘ | 1,76 | 3 | 5,28 | 2.470.096 | | | | 13.042.107 |
| Ồ CỬA LẬT WC (LẦU 1 + TRỆT = 3 BỘ) | | | | | | | | | | | | |
| 12 | S5 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính trắng Phụ kiện | Cửa 0,29 0,39 Lot lờng DÀY 1.4mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực ĐỦ BỘ | 0,11 | 3 | 0,34 | | BỘ | | | 1.800.000 |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 13 | D6 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính mờ Phụ kiện | Cửa 2,1 0,935 Lot lờng DÀY 2mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực bản lề + khóa huy hoàng | 1,96 | 1 | 1,96 | 2.442.730 | Kính mờ | | | 4.796.301 |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 14 | D7 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính mờ Phụ kiện | Cửa 2,05 0,7 Lot lờng DÀY 2mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực bản lề + khóa huy hoàng | 1,44 | 1 | 1,44 | 2.923.768 | Kính mờ | | | 4.195.608 |
| CỬA SỐ LỬA 2 CÁCH (LẦU 1) | | | | | | | | | | | | |
| 15 | S6 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính trắng Phụ kiện | Cửa 0,55 1,1 Lot lờng DÀY 1.4mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực ĐỦ BỘ | 0,61 | 1 | 0,61 | 3.386.371 | | | | 2.048.754 |
| Ồ FIX | | | | | | | | | | | | |
| 16 | F3 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính trắng Phụ kiện | Cửa 0,8 0,6 Lot lờng DÀY 1.4mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực ĐỦ BỘ | 0,48 | 1 | 0,48 | 1.929.261 | | | | 926.045 |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (TRỆT) | | | | | | | | | | | | |
| 17 | D8 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính mờ Phụ kiện | Cửa 2,05 0,933 Lot lờng DÀY 2mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực bản lề + khóa huy hoàng | 1,91 | 1 | 1,91 | 2.464.858 | Kính mờ | | | 4.714.410 |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (TRỆT) | | | | | | | | | | | | |
| 18 | D9 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính mờ Phụ kiện | Cửa 2,05 0,71 Lot lờng DÀY 2mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực bản lề + khóa huy hoàng | 1,46 | 1 | 1,46 | 2.464.858 | Kính mờ | | | 3.587.600 |
| CỬA SỐ LỬA 2 CÁCH (TRỆT) | | | | | | | | | | | | |
| 19 | S7 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính trắng Phụ kiện | Cửa 1 0,93 Lot lờng DÀY 1.4mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực ĐỦ BỘ | 0,93 | 1 | 0,93 | 2.720.092 | | | | 2.529.686 |
| CỬA ĐI 1 CÁCH MỞ (TRỆT) | | | | | | | | | | | | |
| 20 | D10 |  | Kích thước cao x rộng (mm) Khung - Cánh Thanh nhôm Kính mờ | Cửa 2,4 0,86 Lot lờng DÀY 2mm tiêu chuẩn Profile Xingfa nhập màu ghi xám 8mm cường lực | 2,06 | 1 | 2,06 | 2.466.858 | Kính mờ | | | 5.091.596 |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|----------------------------|---------------------------------|------|------|------|---|-------|-----------|--|--|-------------|---------------------|
| |  | Phụ kiện | bản lề + khóa huy hoàng | | | | | | | | | | | |
| CỬA SỐ 1 CÁCH LẬT (TRỆT) | | | | | | | | | | | | | | |
| 21 |  | S8 | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 0,49 | 1,22 | 0,60 | 1 | 0,60 | | | | bộ | 1.500.000 |
| | | | Lot lồng | | | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 1.4mm tiêu chuẩn | | | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | | | |
| Phụ kiện | ĐỦ BỘ | | | | | | | | | | | | | |
| CỬA ĐI 4 CÁCH MÓ (TRỆT) | | | | | | | | | | | | | | |
| 22 |  | D11 | Kích thước cao x rộng (mm) | Cửa | 3,1 | 3,03 | 9,39 | 1 | 9,39 | 2.251.130 | | | | 21.144.860 |
| | | | Lot lồng | | | | | | | | | | | |
| | | | Khung - Cánh | DÂY 2mm tiêu chuẩn, fix 1.4mm | | | | | | | | | | |
| | | | Thanh nhôm | Profile Xingfa nhập màu ghi xám | | | | | | | | | | |
| | | | Kính trắng | 8mm cường lực | | | | | | | | | | |
| Phụ kiện | bản lề + khóa huy hoàng | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng cộng cửa nhôm | | | | | | | | | 41,09 | | | | 100.621.930 | |
| GIÁ CỬA TRUNG BÌNH | | | | | | | | | | | | | 2.449.082 | |
| Còn lại | | | | | | | | | | | | | | |
| Bảng chữ:/. | | | | | | | | | | | | | | |
| ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN MUA HÀNG | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Đơn giá | Chưa bao gồm thuế VAT 10%. Đơn giá đã bao gồm lắp đặt hoàn thiện tại công trình và vận chuyển 1 lần trong nội thành Hồ Chí Minh. | | | | | | | | | | | | |
| 2 | Chi tiết thêm cho sản phẩm | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | Hình thức thanh toán | Thanh toán chia làm 3 đợt: | | | | | | | | | | | | |
| | | Đợt 1: 40% | Thành tiền: | | | | | | | | | | | Khi chốt đơn hàng |
| | | Đợt 2: 40% | Thành tiền: | | | | | | | | | | | Khi giao hàng |
| | | Đợt 3: 20% | Thành tiền: | | | | | | | | | | | Bàn giao nghiệm thu |
| 4 | Nguồn gốc nguyên liệu | | | | | | | | | | | | | |
| 5 | Chế độ bảo hành | Thanh nhôm Profile Xingfa bảo hành 5 năm về màu | | | | | | | | | | | | |
| 6 | Hiệu lực báo giá | Báo giá có hiệu lực trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo giá. | | | | | | | | | | | | |
| 7 | Thời gian giao hàng | | | | | | | | | | | | | |

Xác nhận khách hàng
(ký và ghi rõ họ tên)

Kinh Doanh
(ký và ghi rõ họ tên)

Xác nhận
(ký và ghi rõ họ tên)

